

## VỀ KHÁI NIỆM CẤU TRÚC CÚ PHÁP VÀ TRẬT TỰ TỪ

Vũ Ngọc Tú<sup>(\*)</sup>

Cấu trúc cú pháp và trật tự từ là hai khái niệm rất quan trọng trong ngôn ngữ nên được các nhà ngôn ngữ học quan tâm nghiên cứu. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ lược đầu ban về khái niệm cấu trúc cú pháp và khái niệm về trật tự từ.

### 1. Về khái niệm cấu trúc cú pháp

Khái niệm cấu trúc cú pháp là một khái niệm rất quan trọng trong cú pháp học, nhưng nó được hiểu theo những trường phái khác nhau và những khuynh hướng khác nhau. Ít nhất chúng ta có thể chú ý tới mấy điểm sau :

i) Cấu trúc cú pháp là những đơn vị ngữ pháp có tính truyền thống được tổ chức do sự kết hợp giữa từ với từ trong ngữ lưu tạo nên. Nói khác đi, cấu trúc cú pháp là tổ chức bên trong của câu, nhiều lúc đồng nghĩa với cấu trúc câu. Căn cứ vào tổng thể đó thì người ta phân loại ra các đơn vị như là cấu trúc câu đơn, cấu trúc câu ghép, cấu trúc của trường cú, cấu trúc của mệnh đề...

ii) Cấu trúc cú pháp với tính chất là một loại tổ chức có tính cấu trúc, một đối tượng để miêu tả của ngôn ngữ học cấu trúc luận (structuralism) mà tiêu biểu là cấu trúc luận miêu tả Mỹ từ L.Bloomfield [3] đến Z.Harris và N. Chomsky [7,8].

Theo cách hiểu thứ nhất thì khái niệm cấu trúc cú pháp rất rộng đặc biệt là với ngôn ngữ học Âu châu. Mỗi truyền thống ngữ pháp đều gắng xây dựng cho mình một chủ thuyết về cấu trúc cú pháp. Đối với ngữ pháp tiếng Pháp thì lý thuyết mệnh đề (la proposition) là trung tâm, rồi từ đó toả đi các quan hệ khác. Truyền thống ngữ pháp Nga thì lý thuyết từ tổ (slovostretanije) lại có một vị trí đặc biệt. Các nhà ngôn ngữ học Nga như từ Sakhmatov [19], Fortumatov thế kỷ 19 đến các nhà ngôn ngữ học Xô-viết như là Sherba, Mesanhinov, Vinogradov [24], Refomatskij ... rất quan tâm đến lý thuyết từ tổ đặc biệt là các từ tổ cặp đôi, tức là gồm hai từ theo quan hệ hợp dạng, thí dụ như: "novaia knhiga" (sách mới) bởi vì tiếng Nga sử dụng phương thức phụ tố dựa trên nguyên tắc hợp dạng là chủ yếu. Do vậy, các cố gắng nhằm nghiên cứu từ tổ đều hướng tới miêu tả các quan hệ hợp dạng và các trật tự, tôn ti của nó.

Ngôn ngữ học Bắc Mỹ đặt vấn đề cấu trúc cú pháp có khác. Ở đây khái niệm "từ" (word) không được coi trọng như ngôn ngữ học truyền thống châu Âu. Trong tiếng Anh (ở Mỹ) các nhà ngôn ngữ học rất quan tâm đến các hình vị (morpheme) và sự phân bố chúng. Các cấu trúc cú pháp theo quan điểm miêu tả được bắt đầu từ sự phân bố các

<sup>(\*)</sup> TS, Đại học Quốc gia Hà Nội

hình vị. Ví dụ : từ “dogs” bao gồm 2 hình vị : dog [dog] và s [z]. Như vậy, trật tự trong cấu trúc này còn đi xa hơn ranh giới “từ” truyền thống của các “morpheme”. Về phương diện này ta có thể thấy dường như các nhà ngữ học Việt Nam như là Nguyễn Tài Căn [5], Cao Xuân Hạo [14], Nguyễn Thiện Giáp [12] cũng có ý định đưa những liên hệ cú pháp tới bậc “tiếng” chứ không dừng lại ở bậc “từ”.

Trong bài này, chúng tôi chủ trương tôn trọng khái niệm “từ” của ngôn ngữ học truyền thống và nghiên cứu trật tự từ là chính chứ không nghiên cứu trật tự của morpheme. Tuy nhiên, không vì vậy mà chúng tôi chỉ sử dụng các khái niệm cú pháp truyền thống châu Âu do quá lệ thuộc vào khái niệm “từ”. Đối với chúng tôi, khái niệm trật tự từ sẽ rất thuận lợi nếu dựa vào các khái niệm cấu trúc cú pháp của ngôn ngữ học miêu tả. Vì sao? Bởi lẽ đằng sau khái niệm các cấu trúc ngữ pháp là lý thuyết phân tích phân bố (analysis's distribution) mà nòng cốt của khái niệm này là khái niệm vị trí (position) và trật tự tương tác giữa các vị trí. Thay vì sự phân bố của các “morpheme”, chúng tôi áp dụng nguyên tắc của phân tích phân bố cho trật tự từ trước hết là tiếng Anh.

Bloomfield [3] đã đưa ra hai khái niệm rất cơ bản là cấu trúc nội hướng (endocentric construction) và cấu trúc ngoại hướng (exocentric construction). Hai loại cấu trúc mang tính phân bố này cho ta ý niệm rất rõ ràng về trật tự từ.

Trước hết, chúng tôi xin nói về cấu trúc nội hướng, mà cụ thể là về khái niệm “đoạn ngữ”. Thuật ngữ này đã được các nhà Hán ngữ học sử dụng để chỉ một tổ hợp tự do dựa trên quan hệ chính phụ. Trong Việt ngữ học lần đầu tiên đã được Nguyễn Tài Căn [5] sử dụng để miêu tả cấu trúc của danh ngữ tiếng Việt. Theo Nguyễn Tài Căn đoạn ngữ là một tổ hợp tự do có 3 đặc điểm sau :

i) Đoạn ngữ bao gồm một thành tố trung tâm và một hay một số thành tố phụ vây quanh xung quanh trong tâm đó để bổ xung thêm một số chi tiết thứ yếu về mặt ngữ nghĩa ;

ii) Quan hệ giữa trung tâm và thành tố phụ nhìn chung là thuộc loại quan hệ chính phụ.

iii) Toàn đoạn ngữ có tổ chức phức tạp hơn, có ý nghĩa đầy đủ hơn một mình trung tâm, nhưng nó vẫn giữ được đặc trưng ngữ pháp của trung tâm. Điều đó có ý nghĩa là trung tâm thuộc vào loại từ loại nào thì đoạn ngữ cũng vẫn giữ các đặc trưng của từ loại đó. Vì vậy, chúng ta có thể dựa vào trung tâm để phân loại đoạn ngữ thành đoạn ngữ có danh từ làm trung tâm (danh ngữ) đoạn ngữ có động từ làm trung tâm (động ngữ), đoạn ngữ có tính từ làm trung tâm (tính ngữ)...

Như vậy, đoạn ngữ có sơ đồ sau:

Phần đầu	Phần trung tâm	Phần cuối	
tất cả những cái	chủ trương	chính xác đó	(danh ngữ)
cũng không	về	nhà	(động ngữ)
vô cùng	tốt		(tính ngữ)

Ví dụ:

Tính cũng không về nhà.

Kể từ ngày mai tất cả mọi công dân của xã không được đi làm muộn...

Thế mà Sài nó vô cùng tốt.

Trong ba ví dụ trên, chúng ta có động ngữ : “cũng không về nhà” có “về” là động từ làm trung tâm, còn “cũng”, “không” là các thành tố phụ phía trước và “nhà” là thành tố phụ phía sau ; danh ngữ : “Tất cả mọi công dân của xã” có “công dân” là danh từ làm trung tâm, “tất cả”, “mọi” là các thành tố phụ phía trước, “của xã” là thành tố phụ phía sau, tính ngữ “vô cùng tốt” có “tốt” là tính từ làm trung tâm còn “vô cùng” là thành tố phụ phía trước. Cũng theo Nguyễn Tài Cẩn khi trung tâm có thể giữ một chức vụ nào đó trong một tổ hợp khác thì đoạn ngữ có thể đảm nhận được chức vụ đó. Tức là, đoạn ngữ chưa gắn liền với một chức vụ nào đó cho sẵn nhất định và vì vậy chúng ta có thể tách riêng đoạn ngữ ra mà nghiên cứu một cách độc lập với chức năng cú pháp.

Các phân tích của Nguyễn Tài Cẩn đã cho ta những gợi ý kết sức quan trọng về trật tự từ trong phạm vi danh ngữ mà bài viết chúng tôi đề cập đến. Các công trình ngữ pháp tiếng Việt của Trương Văn Chình [6], Nguyễn Kim Thản [21], Thompson [23], Trần Ngọc Ninh [16], Nguyễn Phú Phong [17] cũng làm sáng tỏ những quan điểm của họ về đoạn ngữ động từ mà chúng tôi thừa hưởng để khảo sát vấn đề trật tự trong cấu trúc của các loại từ này. Các công trình của Đinh Văn Đức [10], Diệp Quang Ban [2], Nguyễn Minh Thuyết [22]... cũng là những cơ sở quan trọng cho việc xác định các cấu trúc ngữ pháp và trật tự từ trong cấu trúc tính ngữ tiếng Việt .

Đối với loại cấu trúc thứ hai mà Bloomfield nêu ra, (cấu trúc ngoại hướng-exocentric construction) thì đơn vị để phân tích trật tự từ không có gì tốt hơn là mệnh đề.

## 2. Về khái niệm trật tự từ

Từ là vật liệu xây dựng của ngôn ngữ, là xuất phát điểm để tạo dựng nên các phát ngôn. Như vậy, “từ” trong từ điển và “từ” trong các hoạt động của lời nói có sự khác nhau cơ bản mà người ta thường gọi là sự khác biệt chức năng. Tất cả các hoạt động có tính chất chức năng (functional action) của ngôn ngữ đều được biểu thị nhờ vào các hình thức mà ta quen gọi là những quan hệ ngữ pháp (grammatical relations). Quan hệ ngữ pháp tồn tại trong những chất liệu ngôn ngữ khác nhau mà sự lưỡng phân lớn nhất một bên là các ngôn ngữ có cấu trúc tổng hợp tính và một bên là các ngôn ngữ có

cấu trúc phân tích tính. Các quan hệ ngữ pháp tổng hợp tính thường xuyên sử dụng hệ thống dạng thức biến hình mà nhìn từ phương thức ngữ pháp người ta vẫn gọi là phương pháp biến tố (flexional), mà đại diện cho phương pháp ngữ pháp này là tiếng Nga một ngôn ngữ tổng hợp tính điển hình, ví dụ như : kniga mojevo utsichelia (cuốn sách của thầy giáo tôi) hoặc on prisiôl (anh ấy đã đến), ona prisiôla (chị ấy đã đến), puxmô prislô (thư đã đến). Ở một phía khác thì các ngôn ngữ phân tích tính thường xuyên sử dụng những “hình thái bên ngoài từ”, nghĩa là các phương thức ngữ pháp như hư từ và trật tự từ

- Dùng hư từ, ví dụ như :

+ cuốn vở – những cuốn vở (“những” là hư từ)

+ đọc – sẽ đọc (“sẽ” là hư từ)

+ the king's book (cuốn sách của nhà vua – “s” là hư từ)

+ the leg of the table (cái chân bàn – “of” là hư từ)

- Dùng trật tự từ, ví dụ :

So sánh : + của trước và trước của

+ race horse (ngựa đua) và horse race (đua ngựa)

Trong câu tiếng Việt, trật tự từ thường biểu thị các ý nghĩa quan hệ của từ như “chủ ngữ”, “bổ ngữ”, “chủ thể của hành động”, “đối tượng của hành động”. Ví dụ, trong câu “Lương yêu Phương”, từ “Lương” là chủ ngữ, biểu thị chủ thể của hành động “yêu”, còn “Phương” là bổ ngữ, biểu thị đối tượng của hành động nói trên. Ngược lại “Phương yêu Lương”, “Phương” là chủ ngữ, biểu thị chủ thể, còn “Lương” là bổ ngữ chỉ đối tượng, còn trong câu tiếng Anh, trật tự từ thường biểu thị các ý nghĩa tình thái của câu như “tường thuật”, “ngghi vấn”... so sánh :

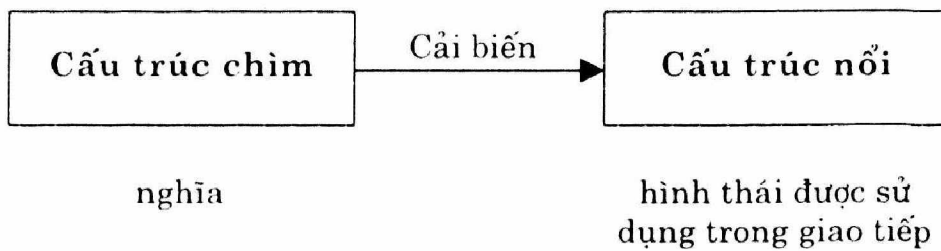
+ Câu tường thuật : He is a student (Anh ấy là sinh viên)

+ Câu nghi vấn : Is he a student ( Anh ấy có phải là sinh viên không?)

Như vậy, trật tự từ là một loại phương thức ngữ pháp thông dụng trong các ngôn ngữ phân tích tính như tiếng Anh và tiếng Việt. Tuy nhiên, với nhận thức như vậy thì trật tự là một thứ phổ niệm chỉ gắn với đặc trưng loại hình của ngôn ngữ và dường như là còn thiếu vắng một cơ sở sâu hơn không thuần túy hình thức.

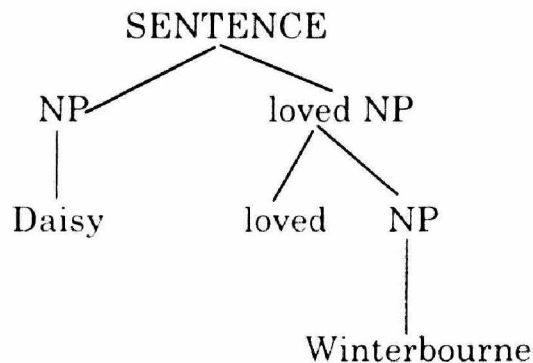
Trật tự từ dưới con mắt của các nhà ngữ pháp miêu tả Mỹ không phải là vấn đề phương thức ngữ pháp mà là sự phân bố (tức là sự đối đãi lẫn nhau) giữa các yếu tố cú pháp trong cấu trúc. Theo lý thuyết phân bố thì giá trị cú pháp (syntactic value) được tạo ra từ các mối quan hệ giữa các yếu tố ngữ pháp và các giá trị đó được xác lập qua khái niệm vị trí và mỗi một yếu tố được phân bố (distribution) trong ngữ lưu (language flow). Nội dung của mỗi một vị trí không phải là cái giá trị riêng lẻ của từng yếu tố mà là cả cái giá trị chung được thể hiện trên hệ hình của chúng (paradigmatic) nghĩa là tất cả những yếu tố nào đó có thể thay thế cho nhau ở cùng một bố cảnh thì chúng cũng có

một giá trị (tức là đẳng trị “equivalent” với nhau) và những yếu tố đẳng trị thì cùng nằm trên trục đứng và chiếm một vị trí (position) ở trên trục cú đoạn. Như vậy, các nhà ngữ pháp miêu tả chú trọng đến những quan hệ khái quát trừu tượng tạo nên trật tự của các yếu tố nhiều hơn là chú trọng đến chất liệu ngôn ngữ của loại phương thức ngữ pháp. Vấn đề trật tự hình thức trong cấu trúc ngữ pháp sau ngữ pháp miêu tả còn có thể bất gặp ở nhiều nhà ngữ pháp lý thuyết khác chẳng hạn ngữ pháp cách của Fillmore [11] hay là ngữ pháp của Tesnière [20]. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, ngữ pháp lý thuyết có một sự chuyển dịch trên địa hạt nghiên cứu, trong đó vấn đề trật tự từ các nhà ngữ pháp châu Âu đã bắt đầu quan tâm đến một bình diện khác, đó là bình diện của khái niệm phân tích chức năng (functional analysis), nghĩa là nghiên cứu trật tự từ trên bình diện thông tin của câu, trên bình diện tâm lý kết hợp với phân tích ngôn ngữ. Có lẽ mở đầu cho thiên hướng này là Mathezius (1945) với những luận điểm về phân đoạn thực tại câu theo cái lý rằng trật tự từ ngoài việc thuần túy phản ánh hay biểu thị trật tự ngữ pháp còn biểu hiện cả những khía cạnh thông tin của câu nằm trong những mối liên hệ với thực tại. Việc này đã thu hút tâm tư của rất nhiều nhà lý thuyết ngôn ngữ học. Những quan niệm về ngữ pháp chức năng từ Mathezius đến Austin [1], Searle [18], Dik [9], Halliday [13], những sự quan tâm đến bình diện tâm lý ngôn ngữ học của Leontiev đã mang lại những gợi ý sâu sắc cho vấn đề trật tự từ. Thậm chí đi xa hơn nữa, N. Chomsky [7, 8] đưa ra quan niệm cấu trúc nổi và cấu trúc chìm. Theo Ông, cấu trúc chìm là nghĩa của câu bởi vì cấu trúc chìm chứa đựng tất cả các thông tin cần thiết quyết định nghĩa của câu và cấu trúc nổi sẽ trở thành cấu trúc nổi thông qua “phép cải biến” (transformation) :



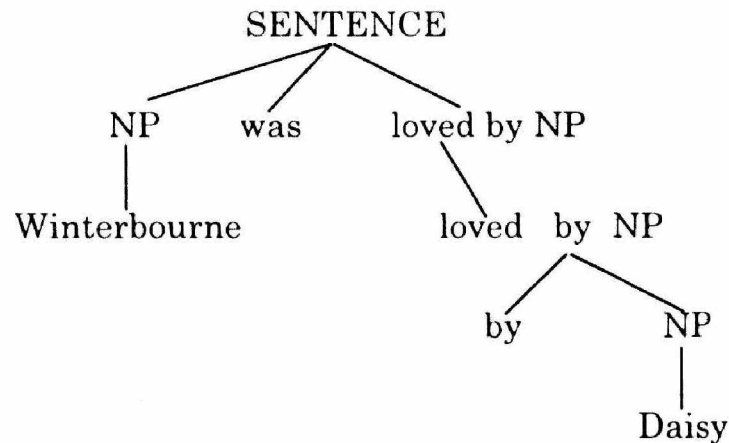
Ví dụ: Trong câu “Daisy loved Winterbourne” (Daisy yêu Winterbourne) thì :

- Cấu trúc chìm :





- Cấu trúc nổi :



Ở đây, “sentence” là “câu”, “NP” là danh ngữ.

Như vậy, quan niệm của N.Chomsky về cấu trúc nổi và cấu trúc chìm (surface and deep structures) không phải hoàn toàn là chỉ bắt nguồn từ cấu trúc hình thức của ngôn ngữ, mà cũng có liên hệ đến một loại “trật tự ngữ nghĩa” mà tác giả cảm nhận được.

Nói tóm lại, khái niệm về cấu trúc ngữ pháp mà chúng tôi trình bày trên đây chủ yếu được xem xét từ góc độ ngữ pháp hình thức, chứ chưa phân tích các cấu trúc này trên phương diện thông tin (phân đoạn thực tại), phương diện tâm lý... và khái niệm trật tự từ cho đến nay đã được nhìn nhận một cách đa diện về cả nội dung và hình thức trong khi phân tích ngôn ngữ. Chúng tôi hy vọng bài viết này sẽ góp phần nhỏ bé vào việc nghiên cứu ngôn ngữ nói chung và nghiên cứu về cấu trúc ngữ pháp và trật tự từ nói riêng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Austin, J.L., *How to Do Things with Words*, Cambridge, 1962.
2. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp tiếng Việt, tập 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1992.
3. Bloomfield, L., *Language*, Holt, New York, 1933.
4. B. Byrd & B. Benson, *Applied English Grammar*, Heinle & Heinle Publishers, Boston, Massachusetts, 1992.
5. Nguyễn Tài Cẩn, *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Đại học và THCN, Hà Nội, 1975.
6. Trương Văn Chình và Nguyễn Hiến Lê, *Khảo luận về Ngữ pháp tiếng Việt*, Đại học Huế, 1963
7. Chomsky N., *Syntactic Structure*, Cambridge, 1957.
8. Chomsky N., *Knowledge of Language*, New York, 1986.
9. Dik, S.C., *Functional Grammar*, North – Holland, Amsterdam, 1978.
10. Đinh Văn Đức, *Ngữ pháp tiếng Việt : Từ loại*, NXB Đại học và THCN Hà Nội, 1986.
11. Fillmore, E.J. *The Case for Case in Bach and R. T Harms*, eds, pp 1-88, 1968.

12. Nguyễn Thiện Giáp, *Về mối quan hệ giữa "từ" và "tiếng" trong Việt ngữ*, Ngôn ngữ, số 3(1984) tr. 60-69.
13. Halliday, M.A.K., *Language Structure and Language Function*, Harmondsworth, 1970.
14. Cao Xuân Hạo, *Một số biểu hiện của cách nhìn châu Âu đối với cấu trúc tiếng Việt, những vấn đề về ngôn ngữ học về các ngôn ngữ Phương Đông*, Viện Ngôn ngữ học, 1986.
15. Lê Văn Lý, *Sơ thảo ngữ pháp Việt Nam*, Bộ Giáo dục – Trung tâm học liệu xuất bản, 1968.
16. Trần Ngọc Ninh, *Cơ cấu Việt ngữ*, Quyển 3, NXB Lửa thiêng, 1974.
17. Nguyễn Phú Phong, *Syntagme Verbal en Vietnamien*, Paris, 1976.
18. Sakhamatov, *Cú pháp tiếng Nga* (Bản tiếng Nga), Moskova, 1971.
19. Searle, J.R., *the Background of Meaning in Speech Act Theory and Pragmatics*, Dordrecht, Reidel, 1980.
20. Testnière, *Element de Syntaxe Structural*, Paris, 1959.
21. Nguyễn Kim Thản, *Nghiên cứu về Ngữ pháp tiếng Việt*, tập 2, NXB Khoa học Xã hội, 1963, 1964.
22. Nguyễn Minh Thuyết, *Vai trò của "bị", "được" trong câu bị động tiếng Việt*, Những vấn đề ngôn ngữ học Phương Đông, 1986, tr. 204 -207.
23. Thompson, L.C., *Endocentricity in Vietnamese Syntax*, *Lingua* N° 15, p.p. 17-29, 1965.
24. V.V. Vinogradov, *Ngữ pháp tiếng Nga* (Bản tiếng Nga), Moskova, 1970.

## ABOUT GRAMMATICAL STRUCTURES AND WORD-ORDER

**Dr. Vu Ngoc Tu**

*Vietnam National University, Hanoi*

This article is concerned with grammatical structures and word-order in language. Grammatical structures are traditional grammatical units organized by the allocation of words in the language flow or they might be a type of structural organizations – objects of structuralism according to Bloomfield, Chomsky... Word-order according to American descriptive linguists are just the distribution of various syntactical elements in the respective structure... Syntactical value is created by the relations of various grammatical elements and by the distribution of each element in the language flow. Each position is not only its individual value but all the common value in the whole paradigm. This paper explores the concept of grammatical structures in terms of formal grammar rather than in terms of information (actual division) or in terms of psychology... It also considers the concept of word-order both in terms of content and form in linguistic analysis. It is hoped that this paper will make a certain contribution to linguistic research in general and to the research of grammatical structures and word-order in particular.